

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

TS. Ngô Thị Thu Hương*

Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp là vấn đề được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp quan tâm, vì nó cung cấp cho người sử dụng cơ sở chắc chắn để ra quyết định kinh tế tối ưu. Có rất nhiều nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Bài viết, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết.

• Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng; thông tin kế toán; chất lượng thông tin; báo cáo tài chính; doanh nghiệp niêm yết.

The quality of information in a company's financial statements is a matter of concern for many scholars, managers, and businesses, as it provides users with a solid basis for making optimal economic decisions. Numerous objective and subjective factors influence the quality of information in financial statements. This study examines the influencing factors and their impact on the quality of financial statement information of listed companies on the Vietnamese stock market. Based on the findings, several recommendations are proposed to enhance the quality of financial statement information in listed enterprises.

• Key words: influencing factors; accounting information; information quality; financial statements; listed companies.

Ngày gửi bài: 03/02/2025

Ngày gửi phản biện: 24/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 14/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 20/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i288.11>

Báo cáo tài chính (BCTC) của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về tình hình tài chính cho các đối tượng quan tâm. Thông tin trên BCTC không trung thực, không chính xác, thiếu minh bạch có thể sẽ tạo ra sự hiểu lầm và việc ra quyết định kinh tế của các đối tượng sử dụng không đạt được kết quả mong muốn. Thông tin trên BCTC đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch, nghĩa là chất lượng thông tin công bố trên BCTC có ảnh hưởng trực tiếp đến việc quyết định đầu tư, tín dụng và phân bổ nguồn lực, góp phần quan trọng vào cải thiện hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những đối tác kinh doanh. Đây là vấn đề có ý

nghĩa lý luận và thực tiễn cũng như tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tính đến tháng 10/2024, số lượng DN niêm yết trên cả 3 sàn giao dịch chứng khoán của Việt Nam có khoảng 1.589 DN.

1. Tổng quan nghiên cứu

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu của các tác giả trên thế giới và trong nước nghiên cứu về vấn đề chất lượng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Mỗi nghiên cứu có những quan điểm khác nhau và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên BCTC cũng khác nhau. Tuy nhiên, tổng quát lại cho thấy mặc dù có những quan niệm khác nhau nhìn chung các quan điểm nêu ra đều có những ý tưởng chung và đều có những lập luận hợp lý. Điều đó, phụ thuộc nhiều vào việc lựa chọn lĩnh vực kinh doanh, loại hình doanh nghiệp. Điển hình là Nghiên cứu của Afiah và cộng sự (2014) khi nghiên cứu chất lượng thông tin trình bày trên BCTC của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp cho thấy, năng lực của bộ máy và hệ thống kiểm soát nội bộ đều bị ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng thông tin trình bày trên BCTC của DN. Tác giả này còn cho rằng chất lượng của BCTC mang ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thúc đẩy quản trị Chính phủ đạt hiệu quả tốt nhất. Trong khi đó, Kewo và cộng sự (2017), ngoài các nhân tố về môi trường kinh doanh, nhân tố hệ thống kiểm soát nội bộ thì nhân tố kiểm toán nội bộ cũng ảnh hưởng trực tiếp và cùng chiều đến chất lượng thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp. Xu (2003) không đưa ra từng nhân tố cụ thể mà nhóm các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin kế toán thành 2 nhóm, gồm nhóm nhân tố bên trong như yếu tố con người và hệ thống và nhóm nhân tố bên ngoài cùng các vấn đề liên quan khác. Trong khi đó, Adballa (2013) cho rằng các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thông tin kế toán, bao gồm:

* Học viện Ngân hàng; email: huongnt.kt@hvn.edu.vn

nguồn nhân lực, trình độ công nghệ thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ở trong nước, tác giả Nguyễn Bích Liên (2012) cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán bao gồm: kinh nghiệm, phương pháp của nhà tư vấn triển khai và chất lượng dữ liệu; chất lượng phần mềm ERP; thử nghiệm hệ thống và huấn luyện nhân viên; đảm bảo hệ thống ERP tin cậy; chính sách nhân sự và quản lý thông tin cá nhân. Tác giả Lê Hoàng Vân Trang và cộng sự (2020), cho rằng có 4 nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp niêm yết. Các nhân tố này có mức độ ảnh hưởng theo thứ tự giảm dần, bao gồm: bộ máy kế toán, nhà quản lý, chứng từ kế toán và thuế. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Đức Loan (2024) cho rằng có 5 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên BCTC, đó là: Môi trường pháp lý; Hệ thống kiểm soát nội bộ; công bố thông tin; Nhà quản lý và bộ máy kế toán.

Nghiên cứu này, trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đó và xem xét tình hình cụ thể đối với các loại hình kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán và đề xuất các nhân tố ảnh hưởng, bao gồm: (i) Môi trường pháp lý và quy định kế toán; (ii) Áp lực từ thị trường chứng khoán; (iii) Quy mô doanh nghiệp; (iv) Hiệu quả và tình hình tài chính của doanh nghiệp; (v) Công nghệ thông tin; (vi). Hệ thống kiểm soát nội bộ. (vii). Trình độ, năng lực của đội ngũ người làm kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp và (viii) Chất lượng của kiểm toán độc lập.

2. Giả thuyết và Mô hình nghiên cứu

Giả thuyết H1. Môi trường pháp lý và các quy định của ngành.

Đối với những doanh nghiệp tuân thủ IAS hoặc IFRS sẽ tạo thuận lợi cho chất lượng thông tin công bố trên BCTC cao hơn; các quy định về kế toán của Nhà nước, các quy định của UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán cũng như các quy định mang tính pháp lý của Ngành về yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết (DNNY) công bố thông tin, chính xác, trung thực và minh bạch càng chặt chẽ thì càng đảm bảo cho thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp niêm yết đảm bảo trung thực và tính minh bạch cao. Điều này có nghĩa là môi trường pháp lý và các quy định của ngành có quan hệ cùng chiều với chất lượng thông tin công bố trên BCTC;

Giả thuyết H2. Áp lực từ thị trường chứng khoán.

Các DNNY phải tuân thủ các yêu cầu công bố thông tin định kỳ và bất thường từ Sở Giao dịch Chứng khoán, nhà đầu tư, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, phân tích tài chính có thể gây áp lực buộc các doanh nghiệp phải công bố thông tin chính xác trung thực và minh bạch. Như vậy, theo giả thuyết 2, áp lực từ thị trường chứng khoán có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng

thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp xuất nhập khẩu niêm yết;

Giả thuyết H3. Quy mô doanh nghiệp

Các DN có quy mô lớn thường có hệ thống quản trị tốt hơn, trình độ, năng lực của người làm kế toán tốt hơn; quy trình lập BCTC chuyên nghiệp hơn. Do đó, chất lượng thông tin công bố trên BCTC thường tốt hơn. Ngược lại, các DNVVN, do nhận thức của các nhà quản trị cũng như nhân viên trong doanh nghiệp còn hạn chế; hệ thống quản trị còn nhiều bất cập, nguồn tài chính hạn hẹp; trình độ, năng lực của nhân viên kế toán chưa cao, dẫn đến thông tin công bố chất lượng nhìn chung chưa đảm bảo. Vì vậy, theo giả thuyết hai là quy mô doanh nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin công bố trên BCTC.

Giả thuyết H4. Hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính.

Thông thường những DN có tình hình tài chính ổn định, lợi nhuận cao thì thông tin công bố trên BCTC sẽ có sự minh bạch hơn. Ngược lại, những doanh nghiệp có tình hình tài chính không ổn định, lợi nhuận thấp có thể có động cơ che giấu thông tin, làm giảm chất lượng của thông tin công bố trên BCTC. Điều đó, thể hiện giả thuyết 4 là Hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính của doanh nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp

Giả thuyết H5. Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống thông tin kế toán (Vũ Quốc Thông, 2012). Các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và điện toán đám mây (cloud computing) có thể cung cấp các giải pháp tiên tiến cho việc quản lý và xử lý thông tin kế toán (Wisna, 2013). Theo Ernawatiningsih & Kepramareni (2019), Công nghệ thông tin giúp tăng cường hiệu suất của hệ thống thông tin kế toán bằng cách tự động hóa quy trình và xử lý dữ liệu. Việc sử dụng phần mềm kế toán, hệ thống quản lý tài chính và công nghệ điện toán đám mây giúp cải thiện tốc độ và độ chính xác trong việc nhập, xử lý và báo cáo thông tin kế toán. Amiri & Amiri (2014) cho rằng: công nghệ thông tin giúp đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán thông qua việc tự động hóa quy trình và giảm thiểu sai sót do con người gây ra. Klovienė & Gimzauskienė (2014) cho rằng công nghệ thông tin giúp tăng cường tính minh bạch và kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán. Như vậy, giả thuyết 5 là công nghệ có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp.

Giả thuyết H6. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Những doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, giúp cho việc giảm thiểu rủi ro sai sót gian lận trong quá trình trình bày thông tin trên BCTC. Ngược lại, những doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát nội bộ lỏng lẻo thường dễ xảy ra tình trạng không chính

xác của thông tin và tính minh bạch của thông tin trên BCTC. Giả thuyết 6 là hệ thống kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

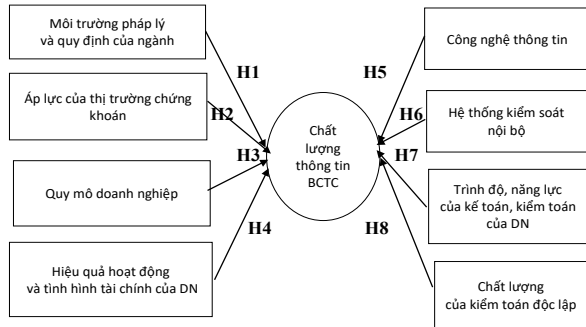
Giả thuyết H7. Trình độ, năng lực của đội ngũ người làm kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp.

Những doanh nghiệp có đội ngũ người làm kế toán, kiểm toán nội bộ có trình độ, năng lực chuyên môn cao, trình độ công nghệ thông tin tốt thường đảm bảo cho chất lượng thông tin công bố trên BCTC chính xác, đầy đủ và trung thực hơn. Ngược lại, những doanh nghiệp thiếu nhân sự kế toán có trình độ, năng lực chuyên môn và trình độ công nghệ thông tin cao, có thể gặp nhiều sai sót trong lập và trình bày BCTC. Như vậy, giả thuyết 7 là trình độ, năng lực của đội ngũ kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin kế toán trên BCTC.

Giả thuyết H8. Chất lượng của Kiểm toán độc lập

Chất lượng của công ty kiểm toán độc lập có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin công bố trên BCTC của doanh nghiệp nói chung và DNNY nói riêng. Những doanh nghiệp sử dụng dịch vụ kiểm toán từ các công ty kiểm toán lớn, có uy tín như: KPMG, PwC, Deloitte, EY thường có BCTC tin cậy hơn so với dịch vụ kiểm toán từ các công ty nhỏ. Như vậy, giả thuyết 8 là, chất lượng của kiểm toán độc lập mà doanh nghiệp sử dụng dịch vụ có ảnh hưởng cùng chiều với chất lượng thông tin trên BCTC.

Mô hình nghiên cứu. Mô hình nghiên cứu như sau:



Phương pháp nghiên cứu

Để kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu, tác giả đã thiết kế bảng hỏi. Trên cơ sở sàng lọc các biến quan sát các công trình nghiên cứu trước đó nhằm phù hợp với bối cảnh của các DNNY, tác giả thiết kế bảng hỏi gồm 33 biến quan sát và đo lường bằng thang đo Likerts 5 điểm, thấp nhất là 1 (ảnh hưởng thấp nhất) và cao nhất là 5 (ảnh hưởng cao nhất) theo bảng 1. Dữ liệu được thu thập bằng cách chọn mẫu (300 mẫu) dưới hình thức bảng hỏi trực tuyến thông qua Google Form trong thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024. Đối tượng khảo sát là những nhà quản trị và kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp. Kết quả thu về được 265

phiếu (88,33%). Sau khi loại bỏ những phiếu không hợp lệ, còn lại 252 (84%) phiếu; sử dụng phần mềm SPSS 24 để phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1. Kết quả kiểm định thang đo

Biến đo lường	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach Alpha nếu loại biến này
1. Môi trường pháp lý và quy định của ngành (MTPL); Cronbach Alpha = 0.814				
MTPL1	9.50	9.112	.626	.762
MTPL2	9.56	8.245	.724	.730
MTPL3	9.52	9.256	.615	.768
MTPL4	9.63	9.208	.596	.782
2. Áp lực của thị trường chứng khoán (ALTT); Cronbach Alpha = 0.812				
ALTT1	12.60	15.280	.642	.760
ALTT2	12.52	15.782	.635	.768
ALTT3	12.71	15.301	.652	.760
ALTT4	12.42	16.212	.575	.781
ALTT5	12.43	16.880	.542	.793
3. Quy mô doanh nghiệp (QMDN); Cronbach Alpha = 0.823				
QMDN1	9.62	8.410	.640	.800
QMDN2	9.50	7.978	.742	.747
QMDN3	9.46	8.412	.704	.765
QMDN4	9.45	9.036	.570	.818
4. Hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính (HQT); Cronbach Alpha = 0.764				
HQT1	10.57	3.014	.720	.630
HQT2	11.20	3.116	.544	.734
HQT3	11.12	3.430	.370	.741
HQT4	10.40	3.261	.686	.648
5. Công nghệ thông tin (CNTT); Cronbach Alpha = 0.824				
CNTT1	13.55	8.113	.350	.750
CNTT2	13.11	7.815	.448	.728
CNTT3	12.88	6.486	.472	.713
CNTT4	13.43	6.957	.660	.682
6. Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB); Cronbach Alpha = 0.822				
KSNB1	10.51	3.012	.720	.631
KSNB2	11.15	3.114	.543	.735
KSNB3	11.14	3.420	.372	.809
KSNB4	10.42	3.258	.684	.638
7. Trình độ/năng lực của kế toán trong DN(TDKT); Cronbach Alpha = 0.818				
TDKT1	10.68	4.010	.730	.680
TDKT2	10.90	4.122	.646	.732
TDKT3	10.12	4.428	.676	.740
TDKT4	10.43	4.261	.687	.678
8. Kiểm toán độc lập (KTDL); Cronbach Alpha = 0.822				
KTDL1	11.62	4.008	.728	.676
KTDL2	11.70	4.102	.641	.736
KTDL3	11.32	4.416	.673	.742
KTDL4	11.41	4.551	.685	.674
9. Chất lượng thông tin (CLTT); Cronbach Alpha = 0.868				
CLTT1	10.51	4.160	.701	.840
CLTT2	10.23	5.161	.685	.842
CLTT3	10.31	4.642	.826	.785
CLTT4	10.42	4.654	.786	.833

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý dữ liệu

Kết quả trên Bảng 1 cho thấy, hệ số Cronbach Alpha của biến độc lập và biến phụ thuộc đều lớn hơn (>) 0.7 và hệ số tương quan biến tổng của các quan sát đều > 0.3. Như vậy, các biến đều đảm bảo độ tin cậy và được dùng để phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Bảng 2. Hệ số KMO của các biến độc lập

	KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)	.668
	Bình phương xấp xỉ	3072.825
Kiểm định Bartlett	df	252
	Sig.	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả Bảng 2 cho thấy chỉ số KMO=.668 thỏa mãn điều kiện $0.5 < \text{KMO} < 1$ điều này thể hiện phân tích EFA phù hợp với dữ liệu khảo sát. $\text{Sig.} = 0.000 < 0.5$, như vậy có sự tương quan tuyến tính giữa nhân tố đại diện và các biến quan sát. Mức giá trị Eigenvalues > 1 , kết quả phân tích được 8 nhân tố với 33 biến quan sát; phương sai trích = 74.214%, có nghĩa các biến quan sát giải thích được 74,21% sự thay đổi của các nhân tố đến chất lượng thông tin kế toán trên BCTC trong các doanh nghiệp niêm yết.

Bảng 3. Hệ số KMO của biến phụ thuộc

	KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)	.803
	Chỉ bình phương xấp xỉ	622.346
Kiểm định Bartlett	df	8
	Sig.	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả bảng 3 cho thấy, biến phụ thuộc (Chất lượng thông tin kế toán trên BCTC của các DNNY), kết quả phân tích EFA có chỉ số KMO =.803, thỏa mãn điều kiện $0.5 < \text{KMO} < 1$ là phù hợp.

Bảng 4. Kết quả phân tích phương sai ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
1 Hồi quy	19.525	8	3.892	8.861	.000 ^b
Dư	114.632	244	458		
Total	134.157	252			

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả phân tích ANOVA trên bảng 4, cho thấy giá trị $F = 8.861$, với $\text{Sig.} = .000 < 0.05$, chứng tỏ R^2 của tổng thể khác 0, thể hiện là mô hình phù hợp với tổng thể.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa Beta	t	Sig	
	B	Sai số chuẩn				
1	Hằng số	1.678	.515		3.220	.001
	MTPL	.253	.092	.231	1.302	.026
	ALTT	.250	.177	.215	.236	.000
	QMDN	.217	.140	.193	.2246	.028
	HQTC	.241	.131	.202	2.052	.030
	CNTT	.256	.182	.247	3.328	.000
	KSNB	.272	.134	.250	3.380	.000
	TDKT	.352	.221	.256	3.290	.000
	KTDL	.215	.216	.182	3.245	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả trên bảng 5 cho thấy, tất cả các giá trị Sig đều < 0.05 . Điều này, thể hiện cả 8 biến độc lập có mối tương quan với biến phụ thuộc CLTT trên BCTC của DNNY.

Phương trình hồi quy như sau:

$$THKTX = 1.678 + 0.231MTPL + 0.215ALTT + 0.193QMDN + 0.202HQTC + 0.247CNTT + 0.250KSNB + 0.256TDKT + 0.182KTDL$$

Kết quả cho thấy, nhân tố Trình độ nhân viên kế toán của DNNY có tác động mạnh nhất đến CLTT với Beta dương=.256; thứ hai là nhân tố Kiểm soát nội bộ với Beta dương = 0.250 và Sig = 0.000 < 0.05; thứ ba là nhân tố Công nghệ thông tin với Beta dương = 0.247 và Sig.=0.000; thứ tư là nhân tố Môi trường pháp

lý và các quy định của ngành với Beta dương = 0.231 và Sig = 0.026 < 0.05; thứ năm là nhân tố Áp lực thị trường với Beta dương = 0.215 và Sig. = 0.000; thứ sáu là nhân tố Hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính với Beta dương = 0.202 và Sig.= 0.03 < 0.05; thứ bảy là nhân tố Quy mô doanh nghiệp với Beta dương = 0.193 và Sig.=0.028 < 0.05; cuối cùng là nhân tố Chất lượng của kiểm toán độc lập với Beta dương = 0.182 và Sig. = 0.000 < 0.05. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, bất kể doanh nghiệp thuộc quy mô nào cũng cần phải quan tâm đến vấn đề chất lượng thông tin trên BCTC. Đó cũng là trách nhiệm của DN đối với xã hội. Do đó, có thể bác bỏ giả thuyết H3.

Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ tác động của các nhân tố được xếp theo thứ tự từ mạnh đến yếu, bao gồm: 1. Trình độ nhân viên kế toán của doanh nghiệp; 2. Kiểm soát nội bộ; 3. Công nghệ thông tin; 4. Môi trường pháp lý và các quy định của ngành; 5. Áp lực của thị trường; thứ bảy là Quy mô doanh nghiệp và cuối cùng là Chaats lượng của kiểm toán độc lập.

Một số khuyến nghị:

Một là, cần phải phân loại các DN trong lĩnh vực hoạt động để bổ trợ vào các địa điểm hoạt động hợp lý; tăng cường xây dựng hệ thống xả thải, xử lý chất thải các loại theo đúng quy trình; tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với ngành Dệt may; nhất là cần có kế hoạch thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát vấn đề thực hiện BVMT của các DN Dệt may nhằm đảm bảo thực hiện tốt các quy định về môi trường và BVMT.

Hai là, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân viên kế toán trong doanh nghiệp; thực hiện cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kiến thức công nghệ thông tin một cách thường xuyên cho đội ngũ kế toán thông qua các chương trình phù hợp;

Ba là, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ cho hiện đại hóa công tác kế toán;

Bốn là, rà soát để bổ sung, chỉnh sửa khung pháp lý và các quy định có liên quan đến công tác kế toán; tăng cường áp dụng IFRS trong lập BCTC;

Năm là, nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện các giải pháp hữu hiệu để tăng năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Abdullah, Z. I. B., Almsafir, M. K & Al-Smadi, A. A. M (2015), " Transparency and reliability in financial statement: Do they exist? Evidence from Malaysia". *Open Journal of Accounting* 4(4),29-43
- Bộ Tài chính (2015), "Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam", Nhà xuất bản Tài chính.
- Lê Hoàng Văn Trang và cộng sự (2020), "Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh", *Tap chí Khoa học, trường đại học Mở TP Hồ Chí Minh* 15(2), 159-175.
- Trần Quỳnh Hương và Ngô Thị Hồng Diễm (2021), "Những nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thông tin kế toán tại các công ty dịch vụ công ích ở Việt Nam". *Tap chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng số 235 tháng 12/2021*.